

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua vào ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 549/2026/ST ngày 02 tháng 03 năm 2026, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Ông **Lê Văn T** năm: 1973

CCCD số: 092073005157 cấp ngày 15/9/2025 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú **Khu V, phường T, tỉnh Cần Thơ.**

Địa chỉ tạm trú: 71/49 **Nguyễn Công H, Khu phố B, phường C, Thành phố C**

Bà **Nguyễn Thị N** AnhSinh năm: 1979

CCCD số: 034179019654 cấp ngày 12/02/2023 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú **Khối T, Q, Q, tỉnh Nghệ An (nay là xã H, tỉnh Nghệ An).**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Lê Văn T1** và bà **Nguyễn Thị Nguyệt A** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, Thành phố **Cần Thơ** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 cấp ngày 06/01/2006.

[2] Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa ông **Lê Văn T1** và bà **Nguyễn Thị Nguyệt A** đã có sự thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Văn T1** và bà **Nguyễn Thị Nguyệt A** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông **T1** và bà **A** có 02 con chung là **Lê Minh Thư S** ngày 20/09/2000 và **Lê Thiện D** sinh ngày 19/02/2006. Hiện tại các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông **T1**, bà **A** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông **T1**, bà **A** không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Văn T1** và bà **Nguyễn Thị Nguyệt A** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông **T1** và bà **A** có 02 con chung là **Lê Minh Thư S** ngày 20/09/2000 và **Lê Thiện D** sinh ngày 19/02/2006. Hiện tại các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông **T1**, bà **A** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí thuận tình ly hôn 300.000 đồng, ông **Lê Văn T1** và bà **Nguyễn Thị Nguyệt A** phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền lệ phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà ông **T1** và bà **A** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013001 ngày 27/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **T1** và bà **A** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV5, Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương Sự;
- Lưu VP(Hồ Sơ);

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Thủy